BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 20 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: **Ngôn ngữ Anh (Du lịch)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh (Du lịch)**; Mã số: **7 22 02 01**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (Du lịch) có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu xã hội và của nền kinh tế hội nhập quốc tế.
- Cung cấp cho sinh viên kiến thức rộng tương đối rộng về ngôn ngữ Anh, văn hóa, xã hội và văn học Anh-Mỹ.
- Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức đối tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường.
- Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như các lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh, kinh tế và xã hội, lễ tân, khách sạn,…
- Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ du lịch, điều hành tour.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành chương trình đào tạo sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

- Lập trường chính trị tư tưởng vững vàng;
- Ý thức tổ chức kỷ luật tốt;
- Hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân;
- Có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật;
- Có đủ sức khỏe để làm việc;
- Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành, có kỹ năng thực hành về chuyên ngành tiếng Anh du lịch;

1.2.1. Kiến thức

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (Du lịch): được trang bịnhững kiến thức chung về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương làm kiến thức nền cho cử nhân khoa học ngành Tiếng Anh, những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ Anh (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa), văn hoá, văn học, văn minh các nước nói tiếng Anh chính như Anh, Mỹ và những kiến thức về chuyên môn thuộc ngành du lịch ở mức độ cơ bản.
- Sinh viên có được kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm các nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Trình độ ngoại ngữ và tin học đạt tối thiểu sau: có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai đạt quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ và đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường.

1.2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường.
- Có kỹ năng nghe và nói tiếng Anh tương đối thành thạo đáp ứng được yêu cầu về chuẩn tiếng anh cần có đối với các vị trí trong ngành du lịch như nhân viên lễ tân, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên điều hành tour.
- Có kỹ năng sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng như microsoft như word, excel, powerpoint.
- Có kỹ năng giao tiếp tốt trước công chúng bằng tiếng Anh và tiếng Việt.
- Có kỹ năng giải quyết một số vấn đề thuộc nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch, nhân viên lễ tân và nhân viên điều hành.

- Kỹ năng mềm

- Làm việc độc lập.
- Làm việc theo nhóm và với cộng đồng.
- Giao tiếp và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực chuyên môn.
- Thu thập, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.
- Sử dụng tin học phục vụ công việc chuyên môn và quản lý.

1.2.3. Thái độ

- Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt;
- Có sự tôn trọng các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân;
- Có ý thức tôn trọng các giá trị văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật;
- Tích cực thể hiện ý kiến, quan điểm phản biện cá nhân nhằm mục đích góp ý xây dựng;

- Có thái độ tự giác xây dựng kế hoạch cá nhân;
- Có tin thần hợp tác và ham học hỏi, luôn có ý thức tự học, tự trao dồi kiến thức và năng lực của bản thân

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Đào tạo sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (Du lịch) có đủ kiến thức và kỹ năng để có thể làm việc tốt ở các vị trí sau:

- Nhân viên lễ tân ở các khác sạn lớn hoặc các khu Resort
- Hướng dẫn viên du lịch bằng tiếng Anh
- Trợ lý cho các trưởng bộ phận ở các khách sạn
- Trợ lý giám đốc
- Nhân viên Marketing cho các dự án du lịch

Ngoài ra nếu vì những lý do khác, sinh viên không thể hoặc không muốn làm việc trong chuyên ngành đã được đào tạo, sinh viên vẫn có thể làm việc trong các doanh nghiệp có nhu cầu về nhân viên được trang bị kỹ năng tiếng Anh tốt.

1.2.5. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học:

Có khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh; có trình độ ngoại ngữ 2 đạt một trong số các ngôn ngữ sau: Ngôn ngữ Pháp: đạt chuẩn tương đương DELF 1; Ngôn ngữ Trung: đạt chuẩn tương đương HSK cấp 3; Ngôn ngữ Nga: đạt chuẩn tương đương TRKI-1; có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong lĩnh vực văn phòng.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào công việc và cuộc sống.

2.1.2. Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn các kiến thức cơ sở ngành làm kiến thức nền cho cử nhân khoa học ngành Ngôn ngữ Anh (Du lịch), những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ Anh (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa), văn hoá, văn học, văn minh các nước nói tiếng Anh chính như Anh, Mỹ và những kiến thức về chuyên môn thuộc ngành du lịch ở mức độ cơ bản.

2.1.3. Hiểu và vận dụng được hệ thống kiến thức về tin học cơ bản vào thực tiễn cuộc sống.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh (nghe-nói-đọc-viết) ở mức độ tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh đạt chuẩn tương đương IELTS 6.5.

2.2.2. Có kỹ năng nghe và nói tiếng Anh tương đối thành thạo đáp ứng được yêu cầu về chuẩn tiếng anh cần có đối với các vị trí trong ngành du lịch như nhân viên lễ tân, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên điều hành tour.

2.2.3. Có các kỹ năng mềm cần thiết để đáp ứng yêu cầu công việc như: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và với cộng đồng, giao tiếp và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực chuyên môn, thu thập, xử lý thông tin

2.2.4. Sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản và tin học văn phòng, đạt tối thiểu chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

2.2.5. Có trình độ ngoại ngữ 2 đạt một trong số các ngôn ngữ sau: Ngôn ngữ Pháp: đạt chuẩn tương đương DELF 1; Ngôn ngữ Trung: đạt chuẩn tương đương HSK cấp 3; Ngôn ngữ Nga: đạt chuẩn tương đương TRKI-1.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo;

2.3.2. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

2.3.3. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

2.3.4. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

2.3.5. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

2.3.6. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;

2.3.7. Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình

HỌC KÌ.	MÃ HP	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA (tùy theo cách đánh đề mục sẽ có tham chiếu khác nhau)														
			Kiến thức			Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	2.3.7
1	F06001	Nghe 1A		x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F06002	Đọc 1A		x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F06003	Nói 1A		x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F06031	Ngữ pháp 1		x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F06005	Ngữ âm thực hành		x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	A05001	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	x					x			x	x	x	x	x	x	x
	A05008	Giáo dục thể chất 1	x					x			x	x	x	x	x	x	x
	Z05001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	x					x			x	x	x	x	x	x	x
	G05097	Tin học cơ sở			x			x	x		x	x	x	x	x	x	x
2	F06032	Ngữ pháp 2		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06007	Nói 1B		x		x	x				x	x	x	x	x	x	x
	F06008	Viết 1		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06009	Nghe 1B		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06010	Đọc 1B		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	A05002	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	x					x			x	x	x	x	x	x	x

HỌC KÌ.	MÃ HP	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA (tùy theo cách đánh đề mục sẽ có tham chiếu khác nhau)														
			Kiến thức			Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	2.3.7
	A05009	Giáo dục thể chất 2	x					x			x	x	x	x	x	x	x
	Z05002	Công tác quốc phòng và an ninh	x					x			x	x	x	x	x	x	x
	B06047	Di tích thắng cảnh Việt Nam		x				x			x	x	x	x	x	x	x
	Chọn 1 trong 2 học phần																
	A05013	Thực hành văn bản tiếng Việt (2TC)		x				x			x	x	x	x	x	x	x
	H06001	Sinh thái học môi trường (2TC)		x				x			x	x	x	x	x	x	x
3	F06012	Ngữ pháp 3		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06013	Viết 2		x		x	x				x	x	x	x	x	x	x
	F06014	Nói 2A		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06015	Nghe 2A		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06016	Đọc 2A		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x					x			x	x	x	x	x	x	x
	A05010	Giáo dục thể chất 3	x					x			x	x	x	x	x	x	x
	Z05003	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	x					x			x	x	x	x	x	x	x

HỌC KÌ.	MÃ HP	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA (tùy theo cách đánh đề mục sẽ có tham chiếu khác nhau)														
			Kiến thức			Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	2.3.7
	Chọn 1 trong 3 học phần																
	F05007	Tiếng Trung 1						x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F05008	Tiếng Pháp 1						x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F05009	Tiếng Nga 1						x		x	x	x	x	x	x	x	x
4	F06017	Nói 2B		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06018	Viết 3		x		x	x				x	x	x	x	x	x	x
	F06019	Nghe 2B		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06020	Đọc 2B		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	A05004	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	x					x			x	x	x	x	x	x	x
	A05005	Pháp luật đại cương	x					x			x	x	x	x	x	x	x
	F07110	Tiếng Anh Du lịch 1		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	Z05004	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	x					x			x	x	x	x	x	x	x
	Chọn 1 trong 3 học phần																
	F05018	Tiếng Trung 2						x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F05019	Tiếng Pháp 2						x		x	x	x	x	x	x	x	x

HỌC KÌ.	MÃ HP	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA (tùy theo cách đánh đề mục sẽ có tham chiếu khác nhau)														
			Kiến thức			Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	2.3.7
	F05020	Tiếng Nga 2						x		x	x	x	x	x	x	x	x
5	F06022	Nói 3A		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06023	Nghe 3A		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06024	Đọc 3A		x		x	x				x	x	x	x	x	x	x
	F07111	Tiếng Anh Du lịch 2		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F07005	Lý Thuyết Dịch		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F07016	Văn hóa Anh – Mỹ		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	A05015	Cơ sở văn hoá Việt Nam						x			x	x	x	x	x	x	x
	Chọn 1 trong 3 học phần																
	F25004	Tiếng Trung 3								x	x	x	x	x	x	x	x
	F25005	Tiếng Pháp 3						x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F25006	Tiếng Nga 3						x		x	x	x	x	x	x	x	x
6	F06025	Nói 3B		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06026	Nghe 3B		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F06027	Đọc 3B		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F07112	Tiếng Anh Du lịch 3		x		x	x				x	x	x	x	x	x	x

HỌC KÌ.	MÃ HP	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA (tùy theo cách đánh đề mục sẽ có tham chiếu khác nhau)														
			Kiến thức			Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	2.3.7
	F07009	Biên dịch		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F07010	Phiên dịch		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F07015	Văn học Anh – Mỹ		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F27001	Phương pháp nghiên cứu khoa học Anh văn		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
7	F07113	Tiếng Anh Du lịch 4		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F07120	Ngoại khóa Tiếng Anh		x		x	x				x	x	x	x	x	x	x
	F07114	Tổng quan Du lịch		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F07117	Quản Trị Nhà hàng Khách sạn		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F27020	Phiên dịch: Du lịch và Lữ hành		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F27021	Biên dịch: du lịch, lữ hành		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F07116	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F07008	Cú pháp và ngữ nghĩa học		x		x	x				x	x	x	x	x	x	x

HỌC KÌ.	MÃ HP	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA (tùy theo cách đánh đề mục sẽ có tham chiếu khác nhau)														
			Kiến thức			Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	2.3.7
8	F27103	Khóa luận tốt nghiệp		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	Hoặc chọn học 3 học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp sau đây																
	F27104	Du lịch Quốc tế (3TC)		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F27105	Du lịch Bền vững (4TC)		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F27106	Kỹ năng thuyết trình du lịch (3TC)		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

120 tín chỉ (Không kể khối lượng kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh).

CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức Bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Kiến thức giáo dục đại cương	27	22.5	19	70.4	8	29.6
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	77.5	81	87.1	12	12.9
• Kiến thức cơ sở ngành	50	53.8	50	100	0	0
• Kiến thức chuyên ngành	33	35.5	31	93.9	2	6.1
• Khoá luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	10.7	0	0	10	100
Cộng	**120**	**100**				

4. Đối tượng tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam, người nước ngoài không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu có đủ điều kiện sau đây đều có thể dự thi vào ngành Ngôn ngữ Anh thương mại. Cụ thể:

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHKG ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

6. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và điểm tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

STT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú (Tiên quyết)
			LT	TH	Tự học	
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG						
1. A05001	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	Học phần giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin, thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử	30	0	60	
2.A05002	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	Học phần giới thiệu về Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội. Nắm được căn bản về Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa Mác-Lênin, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin. Vận dụng được phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vào đời sống; vận dụng được học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-lênin vào thực tế.	45	0	90	A05001
3. A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những Chủ đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người	30	0	60	A05002

4. A05004	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, về đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, và về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.	45		90	A05003
5. A05005	Pháp luật đại cương	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Nhà nước và Pháp luật, quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật; hiện tượng vi phạm pháp luật và biện pháp cưỡng chế đối với các chủ thể vi phạm pháp luật; nội dung các ngành luật cơ bản và quan trọng của nhà nước Việt Nam hiện nay; nhằm rèn luyện cho người học sống và làm việc theo pháp luật.	30	0	60	
6. A05013	Thực hành văn bản tiếng Việt	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết khái quát về văn bản tiếng Việt ở cấp độ cao nhất là văn bản.Tập trung hướng dẫn sinh viên rèn luyện ngôn ngữ, phương pháp tiếp nhận, tạo lập một văn bản khoa học thông qua việc thực hiện hệ thống bài tập thực hành để rèn luyện ngôn ngữ. Đồng thời giáo dục cho SV thái độ yêu và trân trọng tiếng mẹ đẻ; hình thành, phát triển kĩ năng phân tích, tổng hợp, khái quát Chủ đề; kĩ năng trình bày một ngôn bản/Chủ đề khoa học, đáp ứng yêu cầu học tập nghiên cứu	30	0	60	
7. A05015	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những Chủ đề khái quát về văn hóa, diễn trình, các phân vùng và đặc điểm Văn hóa Việt Nam trên các lĩnh vực; nhằm giáo dục ý thức giữ gìn phát huy những tinh hoa văn hóa dân tộc, có bản lĩnh vững vàng khi tiếp biến giao lưu với bên ngoài.	30	0	60	
8. H06001	Sinh thái học môi trường	Xác định vai trò của sinh thái học môi trường. Phân tích mối liên hệ giữa sinh vật với môi trường, các nguyên nhân chính gây mất đa dạng sinh học., gây suy thoái môi trường. Phân biệt các	30	0	60	

		loại chỉ thị sinh học đất, nước, không khí, và diễn thế nguyên sinh & diễn thế thứ sinh. mối quan hệ giữa suy thoái môi trường & diễn thế sinh thái. Các Chủ đề về môi trường đất, môi trường nước tại Việt Nam. Xác định vai trò, đặc điểm của hệ sinh thái đô thị, đô thị sinh thái. Xác định vai trò, đặc điểm của hệ sinh thái môi trường nông thôn. Phân tích các chủ đề môi trường nông thôn. Phân biệt các phân vùng sinh thái nông nghiệp Việt Nam.				
9. G05097	Tin học cơ sở	Tổng quan về công nghệ thông tin, biểu diễn và xử lý thông tin trên máy tính điện tử, tổng quan về máy tính; mạng máy tính và Internet; sử dụng hệ điều hành; sử dụng bộ phần mềm văn phòng. Sử dụng thành thạo hệ điều hành Microsoft Windows, phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel, phần mềm tạo bản thuyết trình Microsoft PowerPoint; đồng thời biết sử dụng các dịch vụ Internet để tìm kiếm, trao đổi thông tin	30	0	60	
10. B06047	Di tích thắng cảnh Việt Nam	Học phần này đề cập đến các nội dung lý thuyết như di tích, thắng cảnh và các di tích, thắng cảnh tiêu biểu ở Việt Nam, các giải pháp bảo tồn và phát triển các di tích và danh thắng ở Việt Nam.	30	0	60	
11. A05008	Giáo dục thể chất 1	Trong học phần GDTC 1, SV sẽ được học môn Điền kinh. Việc tập luyện Điền kinh sẽ tác động đến các tổ chức của các cơ quan trong cơ thể người tập, giúp người tập phát triển sức khỏe và các tố chất thể lực. Đặc biệt tập chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình giúp người tập phát triển sức nhanh, sức bền, dẻo - khéo léo và khả năng phối hợp vận động. Ngoài ra tập luyện Điền kinh còn là một quá trình rèn luyện, bồi dưỡng con người phát triển toàn diện về phẩm chất tâm lý – ý chí, ý thức, tính kiên trì và dũng cảm… Người học sẽ nắm được nguyên lý kỹ	0	30	60	

		thuật và kỹ chiến thuật của chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, để áp dụng vào trong giảng dạy, huấn luyện và trong thi đấu.				
12. A05009	Giáo dục thể chất 2	Trong học phần GDTC 2, SV được học về môn thể thao Bóng chuyền. Các nội dung Bóng chuyền được đưa vào trường học nhằm mục đích tăng cường thể chất cho học sinh, sinh viên. Hiện nay, các nội dung Bóng chuyền được đưa vào đào tạo giáo dục thể chất tự chọn và đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục thể chất trong nhà trường.	0	30	60	A05008
13. A05010	Giáo dục thể chất 3	Cầu lông Khi tham gia học môn cầu lông, việc truyền đạt từng động tác kỹ thuật thông qua những buổi lên lớp đến sinh viên giúp sinh viên nắm bắt được kỹ thuật là điều mà giáo viên hướng dẫn mong muốn. Bóng đá Học phần giúp SV: nắm được lịch sử môn bóng đá, những lợi ích do tập luyện môn bóng đá đem lại; hiểu và nắm một số điều luật của bóng đá 5 người, 11 người. Phương pháp tổ chức một giải đấu.	0	30	60	A05009
14. Z05001	Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Trang bị những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, những quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân nhân, hiểu biết về nguồn gốc, bản chất chiến tranh, nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng. - Trang bị những kiến thức cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; những nội dung chủ yếu địch lợi dụng Chủ đề dân	30	0	60	

		tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. - Trang bị kiến thức về chiến tranh công nghệ cao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, động viên công nghiệp quốc phòng, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.				
15. Z05002	Công tác quốc phòng và an ninh	Giúp người học hiểu được những kiến thức cơ bản về phòng chống âm mưu diễn biến hòa bình; cách thức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; chủ quyền biển đảo; các vấn đề về dân tộc, tôn giáo; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống tội phạm.	30	0	60	Z05001
16. Z05003	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	Giúp người học nắm và thực hành được những kiến thức, kỹ năng kỹ, chiến thuật quân sự cơ bản, cần thiết như: bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPĐ, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình khối; chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK. Nội dung gồm: sử dụng bản đồ địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; cấp cứu ban đầu các vết thương chiến tranh; đội ngũ đơn vị; từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng bài 1b tiểu liên AK.	20	65	170	Z05002
17. Z05004	Hiểu biết chung về quân, binh	Hiểu được cách tổ chức lực lượng quân, binh chủng và lịch sử quân, binh chủng ở Việt Nam, tham quan một số	10	10	40	Z05003

	chủng	đơn vị quân sự ở địa phương.				
18. F05007	Tiếng Trung 1	Học phần giúp SV: phát âm chuẩn các nguyên âm, phụ âm và nắm vững cơ bản về ngữ âm tiếng Trung Quốc; nắm vững các nét quy tắc viết các nét chữ Hán và vận hành trong viết chữ Hán; nhớ và vận dụng được khoảng 150 từ vựng; thành thạo một số ngữ pháp cơ bản trong tiếng Trung Quốc.	30	0	60	
19.F05008	Tiếng Pháp 1	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp với những chủ điểm quen thuộc. Thông qua những bài học, sinh viên có thể tự tin trong những tình huống thường gặp trong cuộc sống hằng ngày khi tiếp xúc với người nói tiếng Pháp. Ngoài ra, người học còn được trang bị một số kiến thức về văn hoá Pháp.	30	0	60	
20.F05009	Tiếng Nga 1		30	0	60	
21.F05018	Tiếng Trung 2	Luyện tập và củng cố ngữ âm, chú trọng luyện ngữ điệu, ngữ khí và trọng âm. Thông qua giảng luyện bài khoá và mẫu câu đơn giản sinh viên được bồi dưỡng những kĩ năng ngôn ngữ về nghe nói đọc viết trong giai đoạn đầu. Được bồi dưỡng thêm một lượng từ vựng, câu đơn giản; đọc thành thạo các từ ngữ, câu có phiên âm đi kèm. Trau dồi thêm một số qui tắc ngữ pháp cơ bản trong tiếng Trung Quốc. Được giới thiệu một lượng thích hợp kiến thức về văn hoá, đất nước con người Trung Quốc, nhằm giảm bớt trở ngại văn hoá trong việc học tiếng Trung Quốc.	30	0	60	F05007
22.F05019	Tiếng Pháp 2	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu hơn học phần 1 về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp với những chủ điểm quen thuộc. Thông	30	0	60	F05008

		qua các tình huốngtrong chương trình, người học có thể giao tiếp được trong một chừng mực nhất định khi gặpcác tình huống tương tự. Người học còn được trang bị những kiến thức về đất nước học đểcó thể trao đổi một cách thoải mái.				
23.F05020	Tiếng Nga 2		30	0	60	F05009
24.F25004	Tiếng Trung 3	Được bồi dưỡng những kĩ năng ngôn ngữ về nghe nói đọc viết ở giai đoạn tiền trung cấp. Đọc và biểu diễn những đoạn văn gần gũi đời sống, học tập, làm việc… trong cuộc sống hàng ngày. Được giới thiệu nhiều hơn về kiến thức văn hoá, đất nước con người Trung Quốc, nhằm làm cho việc học tiếng Trung Quốc trở nên thú vị hơn.	30	0	60	F05018
25.F25005	Tiếng Pháp 3	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu hơn học phần 2 về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp với những chủ điểm quen thuộc, đặc biệt là việc kể lại các sự kiện trong quá khứ cũng như đi vào thế giới của công việc. Thông qua các tình huống trong chương trình, người học có thể giao tiếp được trong một chừng mực nhất định khi gặp các tình huống tương tự với những người nói tiếng Pháp.	30	0	60	F05019
26.F25006	Tiếng Nga 3		30	0	60	F05020
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành						

27. F06001	Nghe 1A	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Nghe đoán trước nội dung/chủ đề, nghe ý chính, ý chi tiết, nghe cách diễn đạt ý kiến của người nói để hiểu thái độ người nói, nghe ngữ điệu để biết được thái độ của người nói. Nghe và hiểu được mối quan hệ nguyên nhân và kết quả của các ý trong bài nói. Nghe hiểu bố cục của bài thuyết trình để hoàn thành bài tóm tắt.	30	0	60	
28. F06002	Đọc 1A	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Đọc lấy ý chính và ý chi tiết. Sử dụng phần giải thích bên dưới trang để giúp hiểu bài tốt hơn. Đọc và nhận diện các loại bài đọc khác nhau. Nhận ra ý hỗ trợ để giúp hiểu bài đọc. Hiểu nghĩa của từ trong ngữ cảnh. Đọc biểu bảng để nắm thông tin khi đọc. Đọc lướt để lấy ý chính. Sử dụng biểu bảng để so sánh thông tin bài đọc.	30	0	60	
29. F06003	Nói 1A	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Sử dụng những từ được lập lại hoặc những từ nhận biết nội dung chính của bài thuyết trình, thực hành thảo luận nhóm để tìm ra giải pháp cho một vấn đề cụ thể. Thực hành đóng vai trong một buổi thảo luận của một trường học trong việc đưa ra quyết định về vấn đề đồng phục của sinh viên. Sử dụng những từ như "example; instance" để hỏi hoặc cho ví dụ chứng minh một vấn đề cụ thể. Miêu tả một nơi nào đó sao cho người khác có thể hình dung ra được nơi đó như thế nào.	30	0	60	
30. F06031	Ngữ pháp 1	Sau khi hoàn thành học phần này,	30	0	60	

		Sinh viên có thể: Hiểu rõ tầm quan trọng của việc nhận biết từ loại trong tiếng Anh. Phân biệt được các loại từ dựa trên cấu tạo từ. Chức năng của từng từ loại và cách hình thành từng từ loại. Sử dụng đúng tất cả các từ loại dựa theo chức năng của chúng. Thì trong tiếng Anh và sử dụng đúng thì trong tiếng Anh.				
31.F06005	Ngữ âm thực hành	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Nhận biết các nguyên âm và phát âm đúng các nguyên âm trong trong từ. Nhận biết các phụ âm và phát âm đúng các phụ âm trong trong từ. Phát âm đúng những phụ âm bắt đầu và đứng cuối âm tiết hoặc từ. Nhận biết được các trường hợp phát âm của âm "s" và "ed"ở cuối âm tiết. Thông qua thực hành đọc nhấn trọng âm trong những từ có hai âm tiết, từ ghép và từ có nhiều âm tiết, sinh viên nhận ra quy luật cơ bản trong việc nhấn âm trong từ. Nhấn âm đúng những từ chính trong câu, các đại từ, mạo từ, hình thức rút gọn và biết cách phát kết hợp từ phía trước và phía sau trong câu.	30	0	60	
32.F06032	Ngữ pháp 2	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Sử dụng đúng thể bị động, nhận diện thì trong câu để chuyển đổi câu, nhận diện câu chủ động, bị động, biết khi nào nên dùng thể bị động. Nhận diện được các dạng câu tường thuật và sử dụng đúng từng dạng. Sử dụng đúng đảo ngữ khi cần thiết, biết mục đích của việc dùng lối đảo ngữ. Sử dụng đúng câu điều kiện, câu ao ước. Sử dụng đúng thể truyền khiến trong Tiếng Anh. Nhận dạng đúng loại động từ để sử dụng đúng	30	0	60	F06031

		câu hỏi đuôi. Sử dụng đúng các loại so sánh (hơn, nhất, bằng, không bằng, kép, liên đới) dùng với tính từ và trạng từ. Sử dụng đúng quy luật hòa hợp chủ ngữ - động từ.				
33.F06007	Nói 1B	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có: Kỹ năng ghi chú chuẩn bị thuyết trình hoặc thảo luận nhóm, kỹ năng xin làm rõ và làm rõ ý muốn nói, kỹ năng thuyết trình ngắn trong 2-3 phút. Kỹ năng tóm lược những điều nghe được, kỹ năng tranh luận giải quyết vấn đề, kỹ năng nói giãn lược WILL.. Kỹ năng dùng từ ngữ thích hợp để nêu trình tự sự việc, kỹ năng kể chuyện.	30	0	60	F06003
34.F06008	Viết 1	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Biết cách viết câu hoàn chỉnh theo nhiều cấu trúc, nhiều thể khác nhau. Nhận dạng được các dạng lỗi sai thường gặp và viết câu đúng. Biết cách viết câu không bị sai các lỗi về mẫu câu, loại câu. Biết cách viết email, trả lời email và viết các mẫu ghi chú ngắn theo đúng nội dung, hình thức được yêu cầu.	30	0	60	F06031
35.F06009	Nghe 1B	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Kỹ năng nghe và suy luận để hiểu đầy đủ ý người nói, nghe ý kiến để hiểu nội dung đánh giá sách, nghe nhận biết từ ngữ chính xác, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết. Kỹ năng nghe nguyên nhân và kết quả để hiểu mối liên hệ giữa các ý, nghe nhận biết từ ngữ chính xác, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết. Kỹ năng nghe ý kiến để hiểu thái độ người nói, nghe từ ngữ chính xác để cải thiện nghe nhận biết từ, nghe	30	0	60	F06001

		lấy thông tin chính và thông tin chi tiết.				
36.F06010	Đọc 1B	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Sử dụng kiến thức nền để phán đoán nội dung bài học và nghĩa của từ mới. Đọc lấy ý chính và đọc để tìm ra những ý chi tiết. Làm các loại bài tập về đọc lấy ý chính và đọc để tìm ra chi tiết cụ thể như yêu cầu.	30	0	60	F06002
37.F06012	Ngữ pháp 3	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Nhận diện được các loại cụm từ, viết câu không sai lỗi về cụm từ lơ lửng. Có thể viết câu theo các mẫu câu, loại câu đã học, tránh viết câu chưa hoàn chỉnh, biết thể hiện ý của mình qua nhiều mẫu câu, loại câu đa dạng. Nhận dạng mệnh đề chính, mệnh đề phụ và viết câu nhiều mệnh đề theo đúng quy tắc hợp thì. Biết phân biệt và sử dụng phù hợp các thể trình bày, mệnh lệnh, cầu khẩn.	30	0	60	F06032
38.F06013	Viết 2	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Sinh viên biết cách thể hiện ý kiến, suy nghĩ, cảm xúc bằng từ ngữ. Biết xác định nội dung cần thiết và liên quan để viết theo thể loại thư cần viết. Biết viết đoạn có đầy đủ câu chủ đề, ý hỗ trợ, câu kết và mạch lạc, nhất quán. Biết chuẩn bị ý, sắp xếp ý trước khi viết. Kiểm tra lỗi sai, chỉnh sửa, viết lại đoạn văn.	30	0	60	F06008
39.F06014	Nói 2A	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Cân đối hoạt động nói giữa các thành viên trong hoạt động thuyết trình, thảo luận, giao tiếp. Vận dụng ngôn ngữ đưa ra lời khuyên phù hợp tình huống. Khéo léo phân	30	0	60	F06007

		tích, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề. Linh hoạt trong việc tìm và giải thích nguyên nhân hình thành vấn đề. Tự tin lập kế hoạch, tổ chức và điều khiển hoạt động thảo luận vấn đề.				
40.F06015	Nghe 2A	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có: Kỹ năng nghe và suy luận để hiểu đầy đủ ý người nói, nghe ý kiến để hiểu nội dung đánh giá sách, nghe nhận biết từ ngữ chính xác, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết. Kỹ năng nghe nguyên nhân và kết quả để hiểu mối liên hệ giữa các ý, nghe nhận biết từ ngữ chính xác, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết. Kỹ năng nghe ý kiến để hiểu thái độ người nói, nghe từ ngữ chính xác để cải thiện nghe nhận biết từ, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết.	30	0	60	F06009
41.F06016	Đọc 2A	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên đạt được: Kỹ năng đọc hiểu lấy ý chính. Đoán nội dung theo tiêu đề, đoán nghĩa từ của bài đọc. Đọc để tìm ra những thông tin chi tiết. Phán đoán nghĩa của từ mới xuất hiện trong bài đọc. Tổng hợp thông tin và lựa chọn thông tin phù hợp theo yêu cầu.	30	0	60	F06010
42.F06017	Nói 2B	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Liên kết kiến thức của bản thân với chủ đề bài học bằng nhiều nguồn thông tin; Nhận định, đánh giá các thế mạnh và hạn chế của một số vấn đề và liên hệ thực tế bản thân; Khéo léo phân tích, đánh giá thực tế các điểm tích cực và hạn chế theo chuẩn mực được đặt ra; Hình thành thói quen tự phân tích, đánh giá thái độ về quan điểm tiền bạc và hạnh	30	0	60	F06014

		phúc;				
43. F06018	Viết 3	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Nhận dạng được loại biểu đồ. Có thể sử dụng mô tả những thay đổi và kết quả, hậu quả. Có thể sử dụng thì quá khứ trong mô tả biểu đồ. Có thể mô tả những quy trình hoạt động của máy móc, chu kì và tiến trình. Có thể viết đoạn văn mở đầu, câu mô tả chung và các câu mô tả chi tiết trong đoạn thân bài và câu kết luận. Có thể biết các loại bài luận phổ biến, lập dàn ý cho 1 bài luận Có thể viết từng phần trong cấu trúc tổng quát của 1 bài luận. Có thể viết các loại bài luận so sánh/ tương phản. Có thể viết 1 bài luận về thuận lợi và bất lợi.	30	0	60	F06013
44. F06019	Nghe 2B	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có: Kỹ năng nghe để phân biệt ý kiến và dữ kiện, nghe động từ tình thái để nhận biết mệnh lệnh, điều cấm và đề nghị, nghe ngữ điệu để phân biệt câu kể và câu hỏi, nghe nhận biết từ ngữ chính xác nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết. Kỹ năng nghe con số để định lượng chính xác, nghe nhận biết từ ngữ chính xác, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết.	30	0	60	F06015
45.F06020	Đọc 2B	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Củng cố lại các kỹ năng đọc cơ bản đã học ở Kỹ năng đọc 1A, 1B, 2A. Khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc. Đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh. Phân biệt giữa sự thật	30	0	60	F06016

		và ý kiến chủ quan. Phát triển các kỹ năng đọc nâng cao để có kỹ năng làm bài thi môn đọc của IELTS.				
46.F06022	Nói 3A	Sau khi hoàn thành học phần Nói 3A, sinh viên có thể phát triển các kỹ năng sau: Sử dụng các từ lặp lại và tín hiệu để thu hút sự chú ý đến các ý tưởng chính. Thảo luận bài đọc với các thành viên nhóm để phân tích các điểm của tác giả. Ghi chép để chuẩn bị cho bài thuyết trình hoặc thảo luận nhóm. Xác nhận bạn hiểu những gì người khác đã nói. Cho người khác lời khuyên để giúp xử lý một tình huống khó.	30	0	60	F06017
47.F06023	Nghe 3A	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Phân biệt những vần được nhấn mạnh để xác định được tử khoá trong bài thuyết trình. Nghe được kết quả của 1 nghiên cứu để hiểu những minh chứng. Nghe được ý chính và ý chi tiết của một bài báo cáo về lĩnh vực quản trị kinh doanh; 1 bài thuyết trình về quản lý nguồn nhân lực. Hiểu được nghĩa của một từ dựa vào ngữ cảnh. Có thể xác định được thông tin mới và thông tin đã biết trước đó để tập trung nghe những chi tiết quan trọng Có thể xác định được thông tin mới và thông tin đã biết trước đó để tập trung nghe những chi tiết quan trọng.	30	0	60	F06019
48.F06024	Đọc 3A	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Đọc lấy ý chính và ý chi tiết. Sử dụng phần giải thích bên dưới trang để giúp hiểu bài tốt hơn. Đọc và nhận diện các loại bài đọc khác nhau. Điền vào bảng để nắm được ý chính. Đọc tiêu đề phụ để đoán	30	0	60	F06020

		trước nội dung bài đọc. Suy luận để hiểu bài đọc tốt hơn. Viết ghi chú và tô sáng để tìm ý quan trọng. Tìm thông tin chi tiết để để hiểu bài đọc tốt hơn. Hiểu được mục đích và các cách tổ chức bài đọc để có khả năng phê bình khi đọc. Dùng bảng đối chiếu để tìm ra sự giống và khác nhau.				
49.F06025	Nói 3B	Sau khi hoàn thành học phần Nói 3B, sinh viên phát triển các kỹ năng: Thể hiện hứng thú trong cuộc trò chuyện để khuyến khích người nói tiếp tục. Tăng ngữ điệu để thể hiện thái độ và mục đích. Ghi chép để chuẩn bị cho bài thuyết trình hoặc thảo luận nhóm. Thay đổi chủ đề để làm cuộc nói tốt đẹp. Dùng câu điều kiện thực tế và không thực tế để suy đoán khả năng. Sử dụng câu hỏi để duy trì sự chú ý của người nghe.	30	0	60	F06022
50.F06026	Nghe 3B	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Nghe được những ví dụ để hiểu rõ những lời phát biểu mang tính tổng quát. Dự đoán được thông tin bài nghe; nghe được ý chính và ý chi tiết của một bài bản tin trên radio về lĩnh vực dinh dưỡng; 1 bản tin về nông nghiệp và di truyền học. Nghe được sự đối lập để hiểu mối quan hệ của những ý kiến trái ngược nhau. Nghe những từ hoặc cụm từ cụ thể để hoàn thành bản chép lại.	30	0	60	F06023
51.F06027	Đọc 3B	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Đọc lấy ý chính và ý chi tiết. Nhận ra ý của tác giả nghiêng về hướng nào để đánh giá đúng ý của họ. Đọc và nhận diện được các loại bài đọc khác nhau. Điền vào bảng để nắm được ý chính. Tìm được ý chi tiết	30	0	60	F06024

		trong bài đọc. Dùng sườn bài để hiểu bài đọc được kết cấu như thế nào giúp học tốt hơn. Sử dụng phần giải thích bên dưới trang để giúp hiểu bài tốt hơn. Hiểu được mục đích sử dụng của các câu nói trong ngoặc kép, phân biệt sự kiện và ý kiến. Tìm ra được nguồn gốc thông tin. Ghi chú trong bài đọc dạng kể chuyện. Nhận ra ý không tán thành hay ý bác bỏ để đánh giá ý được nêu trong bài đọc.				
2.2. Kiến thức ngành						
52.F07110	Tiếng Anh Du lịch 1	Học phần cung cấp cho người học những từ vựng và thành ngữ về nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch; giúp người học biết cách mô tả những kỹ năng và năng lực nghề nghiệp, biết được những kiến thức về ngành công nghiệp du lịch.	30	0	60	F06014
53.F07111	Tiếng Anh Du lịch 2	Học phần cung cấp cho người học những từ vựng về những nghề nghiệp trong ngành du lịch; cung cấp những cấu trúc và mẫu câu nói giúp người học vận dụng vào các tình huống thực tế ở khách sạn, sân bay,...	30	0	60	F07110
54.F07112	Tiếng Anh Du lịch 3	Học phần cung cấp những từ vựng, cấu trúc hay cách diễn đạt thường dùng trong các tình huống giao tiếp liên quan đến vấn đề giao thông trong lĩnh vực du lịch; giúp người học xin được công việc làm hướng dẫn trong lĩnh vực du lịch, giao tiếp trong các tình huống liên quan đến điểm đến du lịch, miêu tả các điểm đến ở Việt Nam, giao tiếp trong tình huống liên quan đến vấn đề sắp xếp các chuyến du lịchngắn cho khách hàng.	30	0	60	F07111
55.F07113	Tiếng Anh Du lịch 4	Học phần cung cấp cho người học những từ vựng, cấu trúc, cách diễn đạt thường dùng trong các tình huống giao	30	0	60	F07112

		tiếp như: giao tiếp trong các tình huống diễn ra ở một trung tâm thương mại; quảng bá, giới thiệu về sản phẩm du lịch; Học phần giúp người học tìm hiểu về văn hóa của một điểm đến, cách giao tiếp ứng xử trong chuyến du lịch, những loại tiền và hình thức thanh toán khác nhau...				
56.F07114	Tổng quan Du lịch	Học phần giúp người học nắm được các khái niệm cơ bản về du lịch như du lịch, loại hình du lịch, khách du lịch, tài nguyên du lịch v.v.. Vận dụng được các kiến thức này vào việc tìm hiểu thực tế phát triển du lịch ở Việt Nam và thế giới Học phần còn cung cấp kiến thức giúp người học khảo sát và đánh giá về một sản phẩm du lịch cụ thể tại địa phương, đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch này.	30	0	60	F06025
57.F07015	Văn học Anh – Mỹ	Học phần giúp người học nắm vững được sơ lược lịch sử văn học, các tác giả, nội dung của các tác phẩm văn học và điện ảnh tiêu biểu chọn lọc từ văn học Anh và văn học Mỹ; nắm vững các phong cách viết văn của nhiều tác giả; nâng cao hiểu biết về các nét văn hóa ẩn chứa trong các tác phẩm văn chương, khả năng tư duy đọc và đồng cảm với các nhân vật để xây dựng quan điểm riêng của người học, khả năng cảm thụ văn học.	30	0	60	F06018
58.F07016	Văn hóa Anh – Mỹ	Học phần trình bày đặc điểm về đất nước và con người Anh và Mỹ; giúp người học đối sánh để tìm ra những nét chung và riêng giữa đất nước, con người Anh và Mỹ, hệ thống chính trị, đặc điểm kinh tế, xã hội, tín ngưỡng và lễ hội ở Anh, Mỹ; giúp người học thấy được ảnh hưởng của kinh tế đối với xã	30	0	60	F06018

		hội Anh, Mỹ và thế giới, hệ thống giáo dục, vai trò và tác động của giáo dục đến sự thành công trong cuộc sống.				
59.F07005	Lý Thuyết Dịch	Học phần cung cấp cho người học các loại hình dịch thuật, sự khác biệt cơ bản của biên dịch và phiên dịch, nguyên tắc xác định loại hình dịch, các vấn đề về tương đương, mất và được trong dịch thuật, tình trạng không thể dịch, các phương pháp dịch thuật căn bản và các nguyên tắc căn bản liên quan đến dịch thuật. Qua đó người học có thể vận dụng cho quá dịch thuật.	30	0	60	F06018
60.F07116	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động hướng dẫn du lịch, các nghiệp vụ hướng dẫn phục vụ khách du lịch trong quá trình thực hiện các chương trình du lịch. Học phần giúp người học có được kỹ năng thuyết minh, hướng dẫn tham quan cho khách du lịch, kỹ năng đón, tiễn và phục vụ khách du lịch, kỹ năng xây dựng bài thuyết minh....	45	0	90	F06025
61. F07008	Cú pháp và ngữ nghĩa học	Học phần cung cấp cho các khái niệm của cú pháp học; giúp người học nắm được các loại văn phạm và đặc điểm của từng loại trong tiếng Anh, định nghĩa mệnh đề, cấu trúc của mệnh đề, phân loại được các loại mệnh đề trong tiếng Anh và nêu đặc tính của từng loại, định nghĩa cụm từ; cấu trúc và đặc điểm của các cụm từ, quy tắc thay đổi các thành phần trong câu hoặc cụm. Học phần giúp người học giải thích được những khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa học, liệt kê ra các trường ngữ nghĩa của đối tượng từ vựng nào đó (semantic fields); Ngoài ra, học phần còn cung cấp các đặc điểm của các loại nghĩa của từ	30	0	60	F06018

		trong ngữ cảnh và các lý thuyết giúp người học có thể đưa ra ví dụ và phân tích quan hệ thượng hạ vị (hyponymy), từ đồng nghĩa (synonym); từ trái nghĩa (antonym); từ đồng âm (homonymy); từcó nhiều nghĩa (polysemy); sự dị thường về mặt ngữ nghĩa và chỉnh sửa lại các câu mang nghĩa khác thường (anomaly); sự nhập nhằng về nghĩa và chỉnh sửa lại các câu mang tối nghĩa (ambiguity); Học phần còn cung cấp các định nghĩa, đặc điểm của các khái niệm: proposition, paraphrase, entailment, presupposition, speech act,... Qua đó giúp người học hiểu và vận dụng hiệu quả cho việc sử dụng ngôn ngữ.				
62.F07009	Biên dịch	Học phần cung cấp những kiến thức giúp người học có khả năng dịch đúng nội dung, ngữ pháp và văn phong từ Tiếng Anh sang Tiếng Việtvà ngược lại về lĩnh vực du lịch, dịch đúng cụm từ, biết kết hợp từ đúng (collocations) và dịch đúng khía cạnh văn hóa, du lịch.	30	0	60	F07005
63.F07010	Phiên dịch	Học phần cung cấp vốn kiến thức vềphiên dịch và từ ngữ về các vấn đề trong du lịch như: hiểu biết về Phiên dịch, các loại phiên dịch, kỹ thuật ghi chú, danh lam thắng cảnh và đặc sản Việt Nam, điểm đến và đặc sản Đông Nam Á và các kỳ quan thếgiới	30	0	60	F07005
64.F27001	Phương pháp nghiên cứu khoa học Anh văn	Học phần giới thiệu các định nghĩa nghiên cứu khoa học, đặc biệt lnghiên cứu ngôn ngữ và xã hội. Học phần giúp người học xác định được các loại nghiên cứu khoa học và nhận thức được các quy định về đạođức trong nghiên cứu; xác định và phân tích được những thành phần quan trọng trong một bài nghiên cứukhoa học (vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và kết luận), từ đó chỉ ra được những điểm mạnh và hạn chế của bài nghiên cứu;	30	0	60	F06024

		biết và thực hiện được các bước quan trọng khi thực hiện một nghiên cứukhoa học; xác định được một đề tài nghiên cứu có liên quan đến chuyên ngành và viết đề cương nghiên cứu cho đề tài đã chọn.				
65.F27020	Phiên dịch: Du lịch và Lữ hành	Học phần cung cấp kiến thức giúp người học có thể phiên dịch đúng nội dung từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt và ngược lại, thể hiện đúng phát âm, ngữ điệu Tiếng Anh khi dịch từ Việt sang Anh, hiểu rõ ngữ cảnh và tiến trình công việc liên quan đến chủ đề du lịch lữ hành, biết đặc thù văn hóa Việt – Anh / Mỹ và các thành ngữ để dịch chính xác.	30	0	60	F07005
66.F27021	Biên dịch: du lịch, lữ hành	Học phần cung cấp các thuật ngữ và những cấu trúc ngữ pháp thường dùng trong các mẫu đăng ký trước và lễ tân, các loại dịch vụ trong khách sạn, trong những mẫu, quảng cáo và mô tả các khu du lịch, điều hành các chuyến đi, về các vấn đề phàn nàn từ khách du lịch hoặc miêu tả các thắng cảnh, các từ ngữ cấu trúc dùng trong trong lĩnh vực văn hoá, lĩnh vực du lịch.	30	0	60	F07005
67.F07117	Quản Trị Nhà hàng Khách sạn	Học phần cung cấp kiến thức giúp người học biết cách tổ chức điều hành kiểm tra, giám sát các bộ phận cũng như các hoạt động cơ bản của một Nhà hàng–Khách sạn theo chuẩn trong nước và quốc tế; vận dụng một cách khoa học các chiến lược điển hình vào kinh doanh Nhàhàng–Khách sạn tạo hiệu quả cao; sử dụng được các từ ngữ trong các hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn nhà hàng; thực hiện được nghề hướng dẫn viên du lịch, đồng thời giải quyết được các vấn đề then chốt trong lĩnh vực kinh doanh Nhà hàng–Khách sạn nhằm tạo hiệu quả cao đặc biệt là con người và dịch vụ.	30	0	60	F07111
68.F07120	Ngoại khóa Tiếng Anh	Học phần tạo điều kiện cho người học cọ xát với thực tế, gắn kết những kiến thức đã học ở giảng đường với việc trải	30	0	60	F07111

		nghiệm thực tế, là cơ hội để sinh viên có thể khảo sát, thu thập, xác định được các cung đường, các tuyến điểm du lịch, các nhà hàng, khách sạn… tại vùng du lịch. Qua đó giúp cho sinh viên có thể hình dung được cáctuyến, điểm du lịch. Đồng thời, thông qua học phần, người học có cơ hội được trải nghiệm về các nghiệp vụ du lịch, nhà hàng - khách sạn và các khu nghỉ dưỡng, kinh doanh của các nhà hàng - khách sạn; giúp người học nắm được các phương pháp đặt các dịch vụ du lịch và có thể tự tổ chức tour du lịch.				
2.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương						
69.F27103	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần tạo điều kiện cho người học có cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học như: giúp người học hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo; rèn luyện cho người học tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.	0	150	0	Điểm TBTL HK1 -> HK 6 Từ 2.5 trở lên
70.F27104	Du lịch Quốc tế	Học phần giúp người học biết kiến thức về du lịch quốc tế và các loại hình dịch vụ du lịch, các khu vực du lịch trên thế giới và an toàn du lịch để áp dụng thực hiện các thủ tục cho một tour du lịch quốc tế.	45	0	90	F07114
71. F27105	Du lịch Bền vững	Thông qua các kiến thức ở học phần này, người học có thể giải thích các khái niệm về du lịch bền vững, giải thích nguồn gốc và ý nghĩa của sự phát triển bền vững, nắm được các nguyên tắc bảo đảm du lịch bền vững và các chính sách, chiến lược đúng đắn hướng đến lợi ích cộng đồng.	60	0	120	F07114

72. F27106	Kỹ năng thuyết trình du lịch	Học phần cung cấp các kiến thức về công việc thuyết trình, giúp người học phân biệt được các văn bản thuyết trình du lịch để phục vụ cho công tác hướng dẫn du lịch và vận dụng các nguyên tắc khi hướng dẫn du lịch, phân tích, tổng hợp và đánh giá được tình huống thực tế để lựa chọn phương pháp thuyết trình du lịch phù hợp.	45	30	150	F07113

8. Hướng dẫn thực hiện:

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh Du lịch của Trường Đại học Kiên Giang được xây dựng căn cứ Theo Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 277/QĐ-ĐHKG ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Khối lượng kiến thức của khoá học 4 năm là 120 tín chỉ (Không tính các học phần GDTC và GDQP) được phân bố trong 8 học kỳ. Kế hoạch giảng dạy được dự kiến như sau:

Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ	STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	ĐK tiên quyết
I 18TC	Học phần bắt buộc				
	1	F06001	Nghe 1A	2	
	2	F06002	Đọc 1A	2	
	3	F06003	Nói 1A	2	
	4	F06031	Ngữ pháp 1	2	
	5	F06005	Ngữ âm thực hành	2	
	6	A05001	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	2	
	7	A05008	Giáo dục thể chất 1	1	
	8	Z05001	Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
	9	G05097	Tin học cơ sở	3	
II 20TC	Học phần bắt buộc				
	1	F06032	Ngữ pháp 2	2	Ngữ pháp 1
	2	F06007	Nói 1B	2	Nói 1A
	3	F06008	Viết 1	2	Ngữ pháp 1
	4	F06009	Nghe 1B	2	Nghe 1A
	5	F06010	Đọc 1B	2	Đọc 1A
	6	A05002	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	3	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1
	7	A05009	Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất 1
	8	Z05002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
	9	B06047	Di tích thắng cảnh Việt Nam	2	
	Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)				
	10	A05013	Thực hành văn bản tiếng Việt (2TC)	2	

	11	H06001	Sinh thái học môi trường (2TC)		
III 18TC	Học phần bắt buộc				
	1	F06012	Ngữ pháp 3	2	Ngữ pháp 2
	2	F06013	Viết 2	2	Viết 1
	3	F06014	Nói 2A	2	Nói 1B
	4	F06015	Nghe 2A	2	Nghe 1B
	5	F06016	Đọc 2A	2	Đọc 1B
	6	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2
	7	A05010	Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất 2
	8	Z05003	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	3	Công tác quốc phòng và an ninh
	Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)				
	9	F05007	Tiếng Trung 1	2	
	10	F05008	Tiếng Pháp 1		
	11	F05009	Tiếng Nga 1		
IV 18TC	Học phần bắt buộc				
	1	F06017	Nói 2B	2	Nói 2A
	2	F06018	Viết 3	2	Viết 2
	3	F06019	Nghe 2B	2	Nghe 2A
	4	F06020	Đọc 2B	2	Đọc 2A
	5	A05004	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh
	6	A05005	Pháp luật đại cương	2	
	7	F07110	Tiếng Anh Du lịch 1	2	Nói 2A
	8	Z05004	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	1	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn
	Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)				

	9	F05018	Tiếng Trung 2 (2TC)	2	Tiếng Trung 1
	10	F05019	Tiếng Pháp 2 (2TC)		Tiếng Pháp 1
	11	F05020	Tiếng Nga 2 (2TC)		Tiếng Nga 1
V 16TC	Học phần bắt buộc				
	1	F06022	Nói 3A	2	Nói 2B
	2	F06023	Nghe 3A	2	Nghe 2B
	3	F06024	Đọc 3A	2	Đọc 2B
	4	F07111	Tiếng Anh Du lịch 2	2	Tiếng Anh Du lịch 1
	5	F07005	Lý Thuyết Dịch	2	Viết 3
	6	F07016	Văn hóa Anh – Mỹ	2	Viết 3
	7	A05015	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	
	Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)				
	8	F25004	Tiếng Trung 3	2	Tiếng Trung 2
	9	F25005	Tiếng Pháp 3		Tiếng Pháp 2
	10	F25006	Tiếng Nga 3		Tiếng Nga 2
VI 16TC	Học phần bắt buộc				
	1	F06025	Nói 3B	2	Nói 3A
	2	F06026	Nghe 3B	2	Nghe 3A
	3	F06027	Đọc 3B	2	Đọc 3A
	4	F07112	Tiếng Anh Du lịch 3	2	Tiếng Anh Du lịch 2
	5	F07009	Biên dịch	2	Lý Thuyết Dịch
	6	F07010	Phiên dịch	2	Lý Thuyết Dịch
	7	F07015	Văn học Anh – Mỹ	2	Viết 3
	8	F27001	Phương pháp nghiên cứu khoa học Anh văn	2	Đọc 3A
VII 15TC	Học phần bắt buộc				
	1	F07113	Tiếng Anh Du lịch 4	2	Tiếng Anh Du lịch 3
	2	F07120	Ngoại khóa Tiếng Anh	2	Tiếng Anh Du lịch 2
	3	F07114	Tổng quan Du lịch	2	Nói 3B

	4	F07117	Quản Trị Nhà hàng Khách sạn	2	Tiếng Anh Du lịch 2
	5	F07116	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	Nói 3B
	6	F07008	Cú pháp và ngữ nghĩa học	2	Viết 3
	Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)				
	7	F27020	Phiên dịch: Du lịch và Lữ hành	2	Lý Thuyết Dịch
	8	F27021	Biên dịch: du lịch, lữ hành		Lý Thuyết Dịch
VIII **10 TC**	1	F27103	Khóa luận tốt nghiệp	10	Điểm TBTL HK1 -> HK 6 Từ 2.5 trở lên
	Hoặc				
	1	F27104	Du lịch Quốc tế (3TC)		Tổng quan Du lịch
	2	F27105	Du lịch Bền vững (4TC)		Tổng quan Du lịch
	3	F27106	Kỹ năng thuyết trình du lịch (3TC)		Tiếng Anh Du lịch 4

Căn cứ vào chương trình đào tạo sinh viên tham khảo ý kiến của cố vấn học tập để lập kế hoạch học tập cho toàn khóa học cho phù hợp. Trước khi bắt đầu học kỳ, Nhà trường thông báo lịch học dự kiến cho từng ngành, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến, làm căn cứ để sinh viên đăng ký khối lượng học tập.

Ngoài các học phần đã tích lũy, để đạt được mục tiêu tốt nghiệp sinh viên phải tích lũy chứng chỉ kỹ năng mềm, chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học theo quy định của Trường.

Chương trình đào tạo có thể được điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 – Điều 8, Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Thái Thành Lượm